

Bản án số: 10/2023/HSPT  
Ngày: 23/8/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa pHn toà:* Bà Dương Thị Vân.

*Các thẩm phán:* Ông Trần Tỷ và bà Nguyễn Thị Như Mai

*- Thư ký pHn toà:* ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia pHn toà:* Bà Lê Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/HSPT ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Dương Thị Ch và Nguyễn Thị D, do có kháng cáo đối với bản án số: 12/2023/HS-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

**1. Bị cáo Dương Thị Ch** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/10/1971, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: 231 Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Quảng B (đã chết) và bà Dương Thị H, sinh năm 1942. Hiện sống tại tổ dân phố 7, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà; Bị cáo có chồng là: Nguyễn Văn H2, sinh năm 1970; Bị cáo có 5 con, lớn nhất sinh năm 1991 và nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tạm giam từ ngày 22/6/2022 đến nay có mặt tại pHn tòa.

**2. Bị cáo Nguyễn Thị D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/5/1987, tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân Dx, sinh năm, sinh năm 1956 và bà Đinh Thị S, sinh năm 1958. Hiện sống tại thôn Đak Tin, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà; Bị cáo có chồng là: Lê Tiến D2, sinh năm 1981; Bị cáo

có 01 con sinh năm 2019 (đã mất năm 2022). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tạm giam từ ngày 22/6/2022 đến nay có mặt tại pHn tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pHn tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên đầu năm 2020, ông Dx gặp bị cáo Ch và nhờ xin việc cho cháu As, Ch nói có thể xin được nên ông Dx giới thiệu cho ông H3 (bố As). Cùng thời gian này, Nguyễn Thị D (con gái ông Dx) cũng liên hệ với Ch để xin việc cho As nên D và As đưa 02 bộ hồ sơ xin việc.

Khoảng tháng 4/2020, một người tên M (Không rõ lai lịch) liên hệ với D và nói có thể xin được vào Bệnh viện Vạn Gia An với giá 50.000.000 đồng nên D nói với Hn về việc này, Hn hỏi D nói *“nhờ chị Ch ở Kon Tum có chồng và con làm công an, quen biết rộng có thể xin việc được”*, Hn gọi hỏi, được Ch đồng ý nhưng do Ch bận nên Hn đưa 50.000.000 đồng cho D để đưa cho ông M. Khoảng 10 ngày sau, do muốn vào nhà nước để ổn định nên Hn nói với D trao đổi với ông M. Ông M nói *“giờ lấy lại tiền chỉ đưa lại 40.000.000 đồng”* và nói D *“chờ thêm một thời gian ở Bệnh viện Đăk Tô có đợt xét tuyển thì sẽ giúp”*. Sau đó, ông M nói với bị cáo D có thể xin cho As vào làm việc tại Trung tâm y tế huyện Đăk Tô với giá là 190.000.000 đồng, Hn gọi cho Ch để xác nhận, Ch cũng nói vậy nên Hn đồng ý.

Ngày 02/6/2020 Hn, H3 hẹn gặp bị cáo Ch và D tại nhà ông Dx để đưa số tiền 90.000.000 đồng và yêu cầu Ch viết giấy nhận 140.000.000 đồng, Ch hỏi, D nói *“em cầm 50 triệu đây rồi”* nên Ch đồng ý viết. Sau đó, hai bị cáo về nhà D. Lúc này ông M gọi điện đến, D bật loa ngoài cho cả hai cùng nghe, M nói *“Việc của bé As được rồi, nếu gia đình đồng ý thì đưa thêm tiền, khoảng 1 hoặc 2 tháng nữa có quyết định”*. Ch đưa lại số tiền 90.000.000 đồng cho D và viết giấy *“tôi đã nhận số tiền 140 của chị Ch tại nhà riêng của tôi số tiền 140 là số tiền của chị Hn”*, Ch cho D thời hạn 03 tháng, nếu không xin được thì lấy tiền về để Ch xin việc cho As ở Kon Tum. Sau đó, D gặp và đưa cho ông M số tiền 90.000.000 đồng.

Đến khoảng cuối tháng 7/2020, Ch nói với D *“lấy tiền về để chị xin cho As vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum”*. D và Ch thống nhất lấy thêm tiền để lo việc nên Ch gọi điện cho Hn nói *“ở Đăk Tô họ không tuyển nữa, giờ ở Kon Tum chuẩn bị có đợt thi điều Dx, giá tiền là 220 triệu đồng nếu gia đình đồng ý thì chị xin”*, Hn đồng ý. Ngày 03/8/2020 Hn đến nhà D đưa 80.000.000 đồng cho Ch nhưng không gặp, Hn gọi điện Ch nói đưa tiền cho D và sẽ viết giấy sau. Ngày 04/8/2020, D đến nhà của Ch tại Kon Tum, hai bên thống nhất để D giữ lại số tiền này lo việc cho As. D viết cho Ch một giấy nhận tiền *“hôm nay là ngày 04-8-2020 tôi đã nhận lại đủ số tiền 220.000 số tiền cầm xin việc cho bé Trương Ngọc As con của bà Hn trú tại Đăk*

Hà”. Ch nói D đưa 20.000.000 đồng để Ch chi trước. Ngày 05/8/2020, Ch đến nhà D gặp Hn và Ch viết giấy nhận tiền *“tôi có nhận tổng số tiền của anh chị Nguyễn Thị Hn Đăk Hà số tiền tổng 03 lần là 220.000.000đ để lo việc cho bé: trong vòng 6 tháng tôi không lo được thì hoàn trả lại, nếu có gì sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Số tiền còn lại, D liên hệ với ông M để đưa thêm nhưng ông M nói *“từ từ đưa cũng được”* nên D giữ lại và tiêu xài cá nhân.

Một thời gian sau, D gọi điện cho Ch để nói chị Hn đưa thêm tiền nên Ch gọi nói *“dưới tỉnh đang thi công chức, muốn nhanh có việc làm luôn thì đưa thêm 30 triệu đồng”*, chị Hn đồng ý và đưa số tiền 30.000.000 đồng cho D theo hướng dẫn của Ch, sau đó D chuyển khoản và đưa trực tiếp hết cho Ch.

Sau thời gian nhưng không thấy Ch xin được việc, ngày 17/11/2020 vợ chồng chị Hn hẹn gặp Ch tại nhà ông Dx. Tại đây, Hn yêu cầu Ch viết giấy cam kết trả tiền nội dung *“tôi không xin được việc cho bé As vào đúng ngày 25/11/2020 tôi hoàn toàn trả lại số tiền 250.000.000 đồng nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*. Đồng thời hứa hẹn khoảng một tuần nữa As sẽ có quyết định đi làm và đề nghị Hn đưa thêm tiền để lấy quyết định thì chị Hn không đồng ý và nói nhà không còn tiền nữa. Ch nói với ông Dx *“bây giờ tài khoản của cháu chỉ còn 10 triệu, chú cho mượn 40 triệu đồng để cháu đưa cho người ta lấy quyết định cho bé As”*. Nghe vậy, ông Dx đồng ý và gọi điện thoại cho Duyên hỏi *“con có tiền không cho ba mượn 40. tr để chuyển cho chị Ch giúp chị Hn lo việc cho bé As”* nên D chuyển vào tài khoản cho Ch. Ch viết cho ông Dx một giấy cam kết mượn tiền, hẹn vào thứ 4 tuần tới trả lại. Đồng thời, Ch yêu cầu D viết một giấy cam kết *“từ ngày 17-11-2020 cam kết tới ngày 25-11-2020 hoàn trả lại cho chị Ch số tiền 200.000 đã nhờ tôi xin việc cho bé Trương Ngọc As”*. Đến ngày 22/6/2021, tại nhà ông Dx, Ch tiếp tục viết một giấy cam kết cho Hn *“có nhận tiền 250.000.000 xin việc; hẹn đến ngày 28/6/2021 hoàn trả”*.

Sau hai lần viết giấy cam kết và hứa hẹn trả tiền nhưng không trả, ngày 18/02/2022, anh H3 viết đơn tố giác Ch về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 20/9/2022, ông Dx đã làm đơn tố cáo Dương Thị Ch về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng.

Đối với ông M sau một thời gian không xin được việc cho As tại Trung tâm y tế huyện Đăk Tô như thỏa thuận nên đã trả lại số tiền 140.000.000đ cho D, số tiền này D giữ lại và đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra vụ án xác định tổng số tiền chiếm đoạt để xin việc cho cháu As 290.000.000 đồng. Trong đó: Bị cáo Ch chiếm đoạt của Hn là 250.000.000 đồng (D tiêu xài 200.000.000 đồng và Ch 50.000.000 đồng); chiếm đoạt của ông Dx 40.000.000 đồng; Còn D đồng phạm với Ch 250.000.000 đồng.

***Với nội dung trên tại bản án hình sự số: 12/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã tuyên:***

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Thị Ch 07 (bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 22/6/2022).

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị D 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 22/6/2022).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2023, bị cáo Dương Thị Ch có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/5/2023, bị cáo Nguyễn Thị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại pHn tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 355 và 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pHn tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Dương Thị Ch và bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo theo đúng trình thủ tục tố tụng nên được hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Hành vi, trình tự thủ tục tố tụng của cơ quan điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại pHn tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu khác có trong sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 4 đến tháng 11 năm 2020, vì cần tiền để tiêu xài cá nhân, các bị cáo Dương Thị Ch và Nguyễn Thị D, mặc dù không có nghề nghiệp ổn định nhưng đưa ra thông tin gian dối, có mối quan hệ rộng và quen biết nhiều người có thể xin việc được cho Trương Ngọc As tại các cơ sở y tế, để chiếm đoạt của bị hại. Cụ thể: Bị cáo Ch chiếm đoạt tổng số tiền 290.000.000 đồng, trong đó: chiếm đoạt của bà Hn số tiền 250.000.000 đồng và ông Dx số tiền 40.000.000 đồng; bị cáo D đồng phạm với bị cáo Ch và cùng chiếm đoạt của bị hại Hn số tiền 250.000.000 đồng. Trong đó: D tiêu xài 200.000.000 đồng và Ch 90.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà xét xử các bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới.

Tuy nhiên, cả hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Ch có bố, mẹ, chồng đều được tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến và Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên có 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Cả hai đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D 7 năm tù và bị cáo Ch 7 năm 6 tháng tù là cao.

Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Dương Thị Ch và Nguyễn Thị D không pH3 chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HDXX không xem xét.

**Vì các lẽ trên.**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Thị Ch và Nguyễn Thị D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Thị Ch và Nguyễn Thị D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Thị Ch 6 năm 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 22/6/2022).

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 6 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 22/6/2022).

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Dương Thị Ch và Nguyễn Thị D, không pH3 chịu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.*

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- TAND huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa pHn tòa**

**Dương Thị Vân**